

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/DS-PT.

Ngày: 17 - 6 - 2020.

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Toàn.

Bà Phạm Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tám – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông La Minh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2020/QĐ-PT ngày 17/02/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị NY, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Quang V, Luật sư của Văn phòng Luật sư B – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 87, thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Quốc T, Luật sư của Văn phòng luật sư P – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị V, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Phạm Thị KV, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn Đ, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Đ, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Phạm Thị A, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Đ, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà S : Bà Phạm Thị V sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Phạm Thị Ngọc Hh, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà V, bà KV, bà A, bà N, bà Hh : Bà Phạm Thị NY – nguyên đơn.

(Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2017 – Có mặt)

7. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm 1989.

9. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991.

10. Anh Nguyễn Thiên Ph, sinh năm 1994.

11. Chị Nguyễn Thị Kim Kh, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

12. Anh Phạm XH, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 87, Thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

13. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1966.

14. Chị Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1997.

15. Chị Nguyễn Thị T Th, sinh năm 2000.

16. Cháu Nguyễn Trung Ch, sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Ngọc QN, sinh năm 2010 do ông Nguyễn Trung T, bà Phạm Thị Ngọc Hh là đại diện hợp pháp.

Cùng địa chỉ: Thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

17. Anh Nguyễn VB, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 87, Thôn B, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn H.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn bà Phạm Thị NY đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V, Phạm Thị Kim V, Phạm Thị N, Phạm Thị A và Phạm Thị Ngọc Hh trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Phạm VT sinh năm 1930 (chết năm 2015) và cụ Nguyễn TM, sinh năm 1930 (chết năm 2017), cha mẹ bà chết không để lại di chúc cũng đều không nợ hoặc có nghĩa vụ gì về tài sản với ai. Quá trình chung sống cha mẹ bà sinh được 08 người con gồm: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1958, bà Phạm Thị Kim V, sinh năm 1961, bà Phạm Thị Ny, sinh năm 1964, ông Phạm Văn H, sinh năm 1966, bà Phạm Thị A, sinh năm 1970 bà Phạm Thị S, sinh năm 1972 (bà S bị mất năng lực hành vi dân sự, bà V là người đại diện hợp pháp), bà Phạm Thị Ngọc Hh, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị NY, sinh năm 1976 ngoài ra ba bà còn có 01 người con riêng là ông Phạm Văn D, sinh năm 1946 (con của người vợ trước). Lúc mẹ bà còn sống mẹ bà có nói trước đó cha mẹ bà có sinh 02 người con nhưng chết từ khi còn rất nhỏ, 02 người này sinh năm bao nhiêu, mất năm bao nhiêu và tên là gì thì bà không biết, ông bà nội, ngoại của bà chết trước cha mẹ bà, ngoài ra cha mẹ bà không có cha mẹ nuôi, con nuôi. Từ khi sinh ra cho đến khi nhận biết được thì bà chỉ biết mẹ bà tên là Nguyễn TM và tất cả trong giấy khai sinh của chị em bà đều có mẹ tên là Nguyễn TM, ngoài tên này ra bà không biết mẹ bà có tên nào khác. Khi còn sống, cha mẹ bà tạo lập được các khối tài sản gồm:

+ Thừa đất số 353 tờ bản đồ số 39, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có diện tích 246,2 m², đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 525280 cấp ngày 29/10/2015 cho ông Phạm VT và bà Nguyễn TM. Trên đất hiện có căn nhà cấp 4 công trình khép kín phía trước nhà có xây một ki ốt cho thuê bán điện thoại di động. Khi còn sống cha mẹ bà bỏ tiền ra xây dựng toàn bộ tài sản trên đất, hiện nay ông H đang trực tiếp quản lý, sử dụng và cho thuê ki ốt mỗi tháng 3.000.000đồng, tiền cho thuê ki ốt ông H là người thu. Toàn bộ diện tích đất nằm trong quy hoạch mở đường.

+ Thừa đất số 342 tờ bản đồ số 39, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có diện tích 740,7m², đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 525279 cấp ngày 29/10/2015 cho ông Phạm VT và bà Nguyễn TM. Trên đất có 02 căn nhà cấp 4, làm tường rào, sân và giếng khoan do bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và ông Nguyễn Trung Tâm xây dựng làm ở, hiện nay bà V, bà Hh và ông Tâm đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Toàn bộ diện tích nằm trong quy hoạch mở đường.

+ Thừa đất số 290 tờ bản đồ số 40, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có diện tích 1158,3m², đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 834159 ngày 12/4/2016 cho ông Phạm VT và bà Nguyễn TM. Đất này hiện nay ông H trồng trà, số cây trà trên trồng khoảng hơn 4 năm. Trong đó 824,2m² nằm trong quy hoạch mở đường, 334,1m² nằm trong quy hoạch đất ở.

Hiện ông H đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất trên.

- Quyền sở hữu 154 cây tràm có đường kính gốc trung bình là 15 cm do ông H trồng trên thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, bà không yêu cầu chia thừa kế di sản nào khác trong vụ án này.

Về tỷ lệ, giá trị phần di sản mà mỗi người được hưởng thì yêu cầu Tòa án quyết định theo quy định của pháp luật.

Về phương thức chia: Bà và những người bà đại diện theo ủy quyền đều đồng ý chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho ông H đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S và ông H có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần thừa kế cho những người đồng thừa kế còn lại tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được hưởng; đối với thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và Phạm Thị A, bà V và bà A có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho những người thừa kế còn lại tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được hưởng; thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai trên đất có 154 cây tràm do ông H trồng bà đề nghị chia di sản thừa kế bằng hiện vật cho bà và bà KV, bà và bà KV có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị phần thừa kế cho những người thừa kế còn lại tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được hưởng và thanh toán lại cho ông H số tiền cây tràm. Đối với phần di sản mà bà V, bà Hh, bà A, bà Y và bà KV được hưởng thì không yêu cầu chia cụ thể cho từng người mà chia chung thành một khối để thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng. Nếu như phải thanh toán bằng tiền cho những người thừa kế còn lại phần chênh lệch giá trị di sản được chia bằng hiện vật thì bà V, Hh, bà A, bà Y và bà KV sẽ cùng thanh toán khoản tiền này mà không cần phải xác định cụ thể số tiền mỗi người phải thanh toán. Đối với ông D thì đề nghị Tòa án xác định giá trị phần thừa kế theo quy định.

Đối với công sức bảo quản di sản và chăm sóc cha mẹ: Khi còn sống, cha mẹ bà sống bằng nguồn thu từ nông sản và thu tiền từ việc cho thuê ki ốt chứ ông H không phải chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ ngày nào. Đối với thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S trên đất có căn nhà cấp 4 công trình khép kín và phía trước có 1 ki ốt cha mẹ bà xây dựng khi còn sống. Sau khi cha mẹ chết ông H là trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất, ông H chỉ ở không tu sửa hay xây dựng gì thêm và thu tiền cho thuê ki ốt 3.000.000đồng/tháng, ông H không chăm nuôi bà S cũng không giao lại số tiền này cho các đồng thừa kế khác. Tuy nhiên, bà và những người ủy quyền lại cho bà đồng ý căn trừ số tiền ông H thu từ việc cho thuê ki ốt tính từ tháng 06/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 75.000.000đồng vào công sức bảo quản di sản. Ngoài ra trên thửa đất 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S có một số cây ăn trái giá trị không lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với khoản tiền ông H trình bày là khi còn sống cha mẹ có giao cho bà gửi ở ngân hàng và số tiền này hiện nay bà đang quản lý thì bà cho rằng thực tế bà có giữ số tiền này tuy nhiên sau khi cha mẹ chết bà có lấy ra để trang trải cho việc ma chay của cha mẹ, nên số tiền này không còn.

Bà V, bà KV, bà N, bà A, bà Hh, ông D và bà S do bà V là người đại diện hợp pháp cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện và phần trình bày của bà Y.

- Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Cha mẹ cụ là cụ Phạm VT sinh năm 1930 (chết năm 2015) và cụ Nguyễn TM, sinh năm 1930 (chết năm 2017), cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Quá trình chung sống cha mẹ ông sinh được 08 người con gồm: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1958, bà Phạm Thị Kim V, sinh năm 1961, bà Phạm Thị N, sinh năm 1964, ông Phạm Văn H, sinh năm 1966, bà Phạm Thị A, sinh năm 1970 bà Phạm Thị S, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị NY, sinh năm 1976 ngoài ra cha ông còn có 01 người con riêng là ông Phạm Văn D, sinh năm 1946 (con của người vợ trước). Khi cha mẹ còn sống ông có nghe kể lại là cha mẹ ông còn có 02 người con tên là Phạm Văn H và Phạm Thị Ph nhưng 02 người này đã chết từ khi mới sinh ra, sinh năm nào, chết năm nào thì ông không biết, ông bà nội, ngoại của ông chết trước cha mẹ ông, ngoài ra cha mẹ ông không có cha mẹ nuôi, con nuôi. Khi còn sống, cha mẹ ông tạo lập được các khối tài sản gồm:

+ Thừa đất số 353 tờ bản đồ số 39, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có diện tích 246,2 m², đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 525280 ngày 29/10/2015 cho ông Phạm VT và bà Nguyễn TM. Trên đất hiện có căn nhà cấp 4 và 01 ki ốt, khi còn sống cha mẹ bà bán 3m ngang đất bên cạnh và có chia cho 07 người con gái mỗi người 01 lượng vàng đồng thời giao cho ông đứng ra để xây nhà, số tiền vàng còn lại cha mẹ ông giao cho bà Y gửi ngân hàng, hiện nay số tiền này bà Y vẫn đang giữ.

+ Thừa đất số 342 tờ bản đồ số 39, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có diện tích 740,7m², đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 525279 ngày 29/10/2015 cho ông Phạm VT và bà Nguyễn TM. Khi còn sống cha mẹ ông đã chia cho 08 người con mỗi người 07m ngang nhưng không có lập di chúc hay giấy tờ gì cả, hiện trên đất có 02 căn nhà cấp 4 do bà Phạm Thị V và bà Phạm Thị Ngọc Hh đã làm nhà từ năm 1998 và sinh sống cùng gia đình trên đất cho đến nay.

+ Thừa đất số 290 tờ bản đồ số 40, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có diện tích 1158,3m², đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 834159 ngày 12/4/2016 cho ông Phạm VT và bà Nguyễn TM, lúc còn sống cha mẹ ông có giao cho ông để trồng trà, số trà này ông đã trồng được khoảng hơn 04 năm.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại ông có ý kiến như sau: Đối với thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 tại Bắc Sơn và tài sản gắn liền với đất ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng và bảo quản từ khi cha mẹ chết cho đến nay nên ông không đồng ý chia. Thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 tại xã S thì ông đồng ý chia theo qui định của pháp luật. Đối toàn bộ cây trà ông trồng trên thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 ông không đồng ý nhận giá trị cây trồng, ông đề nghị để tự ông khai thác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V đồng thời là người đại diện hợp pháp cho bà Phạm Thị S trình bày:

Bà hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của bà Y, không sửa đổi gì, không yêu cầu độc lập. Nay Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật những di sản do cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S; thửa đất 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S và thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 tại xã S đều có ý kiến như sau:

Về tỷ lệ, giá trị phần di sản mà mỗi người được hưởng thì yêu cầu Tòa án quyết định theo đúng quy định của pháp luật. Về phương thức chia thì hoàn toàn đồng ý với ý kiến, yêu cầu của bà Y. Đối với quyền sử dụng thửa đất 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S thì đồng ý chia bằng hiện vật cho ông H và ông H có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị chênh lệch phần thừa kế cho những người đồng thừa kế khác bằng tiền; Đối với thửa đất 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S năm 1998 cha mẹ bà có cho bà một phần diện tích đất để làm nhà ở ngang 07m, dài hết đất, thời điểm cho chỉ nói miệng không có giấy tờ gì bà đồng ý đưa diện tích đất mà bà đã làm nhà ở vào để chia thừa kế. Thời điểm làm nhà ở có chồng bà là ông Nguyễn Văn T cùng làm, tuy nhiên ông T đã bỏ nhà đi từ năm 2008 cho đến nay bà không có tin tức gì, ông T cũng không liên lạc về (đối với phần tài sản chung của ông T bà cam kết sau này ông T về bà sẽ giao lại), hiện nay bà và các con cùng sinh sống trong căn nhà xây dựng trên thửa đất trên. Nay bà Y khởi kiện chia di sản thừa kế bà đề nghị được chia bằng hiện vật là một phần quyền sử dụng đất mà bà đã làm nhà ở đồng thời bà cũng đồng ý chia cho bà Hh một phần quyền sử dụng đất mà bà Hh đã làm nhà ở và chia cho bà A phần diện tích đất còn trống của thửa đất này; Đối với thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 tại xã S trên đất có 154 cây tràm bà đồng ý chia bằng hiện vật cho bà Y và bà KV, bà Y và bà KV có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho những người thừa kế còn lại bằng tiền và thanh toán lại cho ông H số tiền cây tràm. Đối với phần di sản mà bà, bà A và bà Hh được hưởng thì bà không yêu cầu chia cụ thể cho từng người mà chia chung thành một khối để thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng. Nếu như phải thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác phần chênh lệch giá trị di sản được chia bằng hiện vật thì bà, bà A và bà Hh sẽ cùng thanh toán khoản tiền này mà không cần phải xác định cụ thể số tiền mỗi người phải thanh toán, trường hợp những người thừa kế khác phải thanh toán bằng tiền phần chênh lệch giá trị di sản cho bà, bà Hh và bà A thì thanh toán bằng một khoản chung không cần phải chia tách rời cho từng người. Về phần thừa kế của ông Phạm Văn D đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật.

Đối với công sức bảo quản di sản và chăm sóc cha mẹ: Khi còn sống, cha mẹ bà sống bằng nguồn thu từ nông sản và tiền cho thuê ki ốt chứ ông H không phải chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ ngày nào. Đối với thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S trên đất có căn nhà cấp 4 công trình khép kín và phía trước có 1 ki ốt cha mẹ xây dựng khi còn sống sau này cha mẹ chết đi ông H chỉ ở không tu sửa hay xây dựng gì thêm. Ngoài ra trên thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S có một số cây ăn trái giá trị không lớn nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với 01 ki ốt từ khi cha mẹ chết đi ông H là người trực tiếp cho thuê và thu tiền trong một thời gian dài. Số tiền mà ông H đã hưởng được từ việc cho thuê ki ốt lớn hơn rất nhiều lần công sức bảo quản di sản của ông H. Vì vậy, bà không

đồng ý thanh toán công sức bảo quản di sản cho ông H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc Hh trình bày:*

Bà hoàn toàn nhất trí với phần trình bày của bà Y, không sửa đổi gì, không yêu cầu độc lập. Nay Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật những di sản do cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S; thửa đất 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S và thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 tại xã S bà có ý kiến như sau:

Về tỷ lệ, giá trị phần di sản mà mỗi người được hưởng thì yêu cầu Tòa án quyết định theo đúng quy định của pháp luật. Về phương thức chia thì bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến, yêu cầu của bà Y. Đối với quyền sử dụng thửa đất 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S bà đồng ý chia bằng hiện vật cho ông H và ông H có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị chênh lệch phần thừa kế cho những người đồng thừa kế khác bằng tiền; Đối với thửa đất 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S năm 1998 cha mẹ bà có cho bà một phần diện tích đất để làm nhà ở ngang 07m, dài hết đất, thời điểm cho chỉ nói miệng không có giấy tờ gì, hiện nay bà cùng chồng và các con đang sinh sống trong căn nhà xây dựng trên thửa đất trên, bà đồng ý đưa diện tích đất bà đã xây nhà ở trên đất vào chia di sản thừa kế theo pháp luật. Nay bà Y khởi kiện chia di sản thừa kế bà đề nghị được chia bằng hiện vật là một phần quyền sử dụng đất mà bà đã làm nhà ở đồng thời bà cũng đồng ý chia cho bà V một phần quyền sử dụng đất mà bà V đã làm nhà ở và chia cho bà A phần diện tích đất còn trống của thửa đất này; Đối với thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 tại xã S trên đất có 154 cây tràm đồng, bà đồng ý chia bằng hiện vật cho bà Y và bà KV, bà Y, bà KV có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần thừa kế cho những người thừa kế còn lại bằng tiền và thanh toán lại cho ông H số tiền cây tràm. Đối với phần di sản mà bà, bà V và bà A được hưởng thì không yêu cầu chia cụ thể cho từng người mà chia chung thành một khối để thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng. Nếu như phải thanh toán bằng tiền cho những người thừa kế khác phần chênh lệch giá trị di sản được chia bằng hiện vật thì bà, bà A và bà V sẽ cùng thanh toán khoản tiền này mà không cần phải xác định cụ thể số tiền mỗi người phải thanh toán, trường hợp những người thừa kế khác phải thanh toán bằng tiền phần chênh lệch giá trị di sản cho bà, bà V và bà A thì thanh toán bằng một khoản chung không cần phải tách rời. Về phần thừa kế của ông Phạm Văn D đề nghị Tòa án chia theo quy định pháp luật.

Đối với công sức bảo quản di sản và chăm sóc cha mẹ: Khi còn sống, cha mẹ bà sống bằng nguồn thu từ nông sản và tiền cho thuê ki ốt chứ ông H không phải chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ ngày nào. Đối với thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S trên đất có căn nhà cấp 4 công trình khép kín và phía trước có 1 ki ốt cha mẹ xây dựng khi còn sống sau này cha mẹ chết đi ông H chỉ ở không tu sửa hay xây dựng gì thêm. Ngoài ra trên thửa đất 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S có một số cây ăn trái giá trị không lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 01 ki ốt cha mẹ bỏ tiền ra xây từ khi cha mẹ chết đi ông H là người trực tiếp cho thuê và thu tiền trong một thời gian dài. Số tiền mà ông H đã hưởng được từ

việc cho thuê ki ốt từ khi cha mẹ chết cho đến nay lớn hơn rất nhiều lần công sức bảo quản di sản. Vì vậy, bà không đồng ý thanh toán công sức bảo quản di sản cho ông H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn D trình bày:

Ông là con trai của cụ ông Phạm VT, sinh năm 1930 và cụ bà Nguyễn TM (cụ TM là vợ trước của cụ VT), con của người vợ trước. Mẹ ông chết năm 1952 tại làng L, tỉnh Nam Định (không báo tử), mẹ ông chết cha ông lấy vợ khác tên là Nguyễn Thị M, sau khi về làm vợ cha ông thì cha ông lấy họ tên của vợ trước (Nguyễn TM) để đặt cho người vợ sau từ Nguyễn Thị Mg thành Nguyễn TM để được hưởng chế độ lương của cha ông. Sau khi cha lấy vợ kế thì ông không sống cùng với cha nữa mà sinh sống cùng với ông bà nội. Mẹ kế không nuôi dưỡng ông ngày nào và ông cũng không chăm sóc mẹ kế ngày nào. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đối với phần thừa kế của ông, ông xin được hưởng theo quy định của pháp luật. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án do điều kiện ông ở xa đi lại khó khăn không tham gia tố tụng được (như làm việc, đối chất, xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá, các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử của Tòa án các cấp). Đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mộng Th, Nguyễn Thị Kim Kh, anh Nguyễn Văn S, Nguyễn Thiên Ph trình bày:

Anh chị là con của bà Phạm Thị V đang sống chung cùng mẹ trong căn nhà xây trên đất tranh chấp. Nay bà Phạm Thị NY khởi kiện ông Phạm Văn H chia di sản thừa kế, anh chị xác định không có liên quan gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án do điều kiện anh, chị đi làm không tham gia tố tụng (như làm việc, đối chất, xem xét thẩm, định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá, các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử của Tòa án các cấp). Đề nghị Tòa án cho anh, chị được vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung T trình bày:
Ông cùng vợ con hiện đang sống trong căn nhà do vợ chồng xây dựng trên đất tranh chấp là di sản do cha mẹ vợ để lại. Nay bà Phạm Thị NY khởi kiện ông Phạm Văn H chia di sản thừa kế, ông xác định ông không liên quan gì trong vụ án, nếu sau này có tranh chấp xảy ra ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án do ông đi làm không tham gia tố tụng được (như làm việc, đối chất, xem xét thẩm, định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá, các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử của Tòa án các cấp). Đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bích Ng, chị Nguyễn Thị Thu Th và anh Nguyễn Trung Ch trình bày: Các anh, chị cùng cha mẹ đang sống trong căn nhà xây dựng trên đất tranh chấp. Nay bà Phạm Thị NY khởi kiện ông Phạm Văn H chia di sản thừa kế, các chị xác định không liên quan gì trong vụ án. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án do các anh, chị đi làm và đi học nên không tham gia tố tụng được (như làm việc, đối chất, xem xét thẩm, định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá, các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải

và xét xử của Tòa án các cấp). Đề nghị Tòa án cho các chị được vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B trình bày:* Anh là người thuê mặt bằng của ông Phạm Văn H để bán điện thoại, tiền thuê mặt bằng với giá 3.000.000đồng/tháng. Nay bà Phạm Thị NY khởi kiện ông Phạm Văn H chia di sản thừa kế, anh xác định không có liên quan gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án do điều kiện anh bận buôn bán không tham gia tố tụng (như làm việc, đối chất, xem xét thẩm, định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá, các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử của Tòa án các cấp). Đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm XH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã căn cứ các Điều 26; 147; 165; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 612, Điều 613, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị NY đối với ông Phạm Văn H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với những di sản của cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM để lại.

- Xác định di sản của cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM để lại gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Xác định cụ Phạm VT chết ngày 27/8/2015 và cụ Nguyễn TM chết ngày 12/6/2017 đều không để lại di chúc. Di sản của cụ VT và cụ TM để lại được chia theo pháp luật.

- Tỷ lệ, giá trị phần di sản mà những người thừa kế được hưởng như sau:

+ Bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Kim V, bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị Ngọc Hh, bà Phạm Thị S và bà Phạm Thị NY mỗi người được hưởng: 19/160 tổng giá trị di sản của cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM để lại, tương ứng với số tiền là 599.839.000đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

+ Ông Phạm Văn D được hưởng: 1/20 tổng giá trị di sản của cụ VT để lại, tương ứng với số tiền là: 252.563.000đồng (Hai trăm lăm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- Di sản trên được chia bằng hiện vật như sau:

+ Chia cho ông Phạm Văn H quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 353, tờ bản đồ số 39 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

+ Chia cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị A quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 342, tờ bản đồ số 39 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Chia cho bà Phạm Thị Y và bà Phạm Thị Kim V quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 290, tờ bản đồ số 40 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị di sản được chia bằng hiện vật như sau:

+ Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị S số tiền 599.839.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng) (giao cho bà Phạm Thị V là người đại diện hợp pháp cho bà S có trách nhiệm nhận và quản lý tài sản của bà S); thanh toán cho bà Phạm Thị N số tiền 547.437.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng); thanh toán cho ông Phạm Văn D số tiền 252.563.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) .

+ Bà Phạm Thị NY và bà Phạm Thị Kim V có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Phạm Thị N số tiền 54.402.000 đồng (Năm mươi tư triệu bốn trăm linh hai nghìn đồng); thanh toán cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị A tổng số tiền 22.050.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án, nếu những người phải thi hành án chậm thanh toán các khoản tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi cho những người được thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Phạm Văn H có quyền và nghĩa vụ khai thác, chặt bỏ toàn bộ số cây tràm đã trồng trên thửa đất số 290, tờ bản đồ số 40 tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 525279 (do UBND huyện T cấp cho cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM vào ngày 29/10/2015) cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị A; giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 834159 (do UBND huyện T cấp cho cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM vào ngày 12/4/2016) cho bà Phạm Thị NY và bà Phạm Thị Kim V để họ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin chỉnh lý biên động hoặc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên của mình theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

+ Bà Phạm Thị NY phải chịu 27.993.560 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 005976 ngày 08/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự

huyện T; bà Y còn phải nộp 25.493.560 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị Ngọc Hh mỗi người phải chịu 27.993.560 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Kim V và bà Phạm Thị S.

5. Về chi phí tố tụng: Ông H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị NY số tiền chi phí đo vẽ, thẩm định giá là 3.588.189 đồng (Ba triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm tám mươi chín đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2019, bị đơn ông Phạm Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 12/9/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 27/02/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã có quyết định rút kháng nghị nói trên.

Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Thực tế xã hội Việt Nam vẫn còn tồn tại quan niệm gia đình có một con trai thì người con trai được hưởng tài sản của cha mẹ để lại nhằm mục đích quản lý, hương hỏa cho tổ tiên, gia đình cụ VT và cụ TM cũng như vậy. Ông H là con trai duy nhất trong gia đình nên cụ VT và cụ TM khi còn sống có bán 03m ngang đất thì đã chia cho mỗi người con gái 01 lượng vàng, nên số tiền vàng còn lại đưa cho ông H để làm nhà ở trên thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 là mặc nhiên cha mẹ đã cho ông H số tài sản trên, bà Y khởi kiện yêu cầu chia tài sản trên là không có căn cứ. Ông H đồng ý chia thừa kế đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 39 tại xã S vì khi cha mẹ còn sống trước đó đã chia bằng miệng cho mỗi người con là ngang 07, dài hết đất, thực tế diện tích đất trên bà V và bà Hh đã nhận và xây nhà ở ổn định trên đất từ năm 1998 cho đến nay là phù hợp. Bản thân bà Y nói với các anh, chị em trong gia đình khi ông D về làm đám hiếu cho cụ VT thì ông D cũng thừa nhận là khi còn sống cụ VT đã chia tài sản cho ông nên khi cụ VT chết ông không yêu cầu gì về tài sản của cụ VT để lại.

Ông H có công sức đóng góp không nhỏ trong việc tu bổ, duy trì, quản lý tài sản, là người trực tiếp đứng ra xây dựng nhà trên thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 và trồng cây trên thửa đất số 290, tờ bản đồ số 40 tại Bắc Sơn, cũng chính ông H là người trực tiếp liên hệ với cơ quan có thẩm quyền xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H ở với cha mẹ từ nhỏ và có công sức rất lớn trong việc chăm sóc cha mẹ khi về già và chăm sóc bà S sau khi cha mẹ chết đi nên khi chia di sản mà chia bằng nhau thì không công bằng. Việc cần trừ 72 triệu tiền cho thuê ki-ốt vào công sức đóng góp của ông H là không phù hợp.

Tại phiên tòa sơ thẩm trước đây, bà V trình bày là làm thủ tục giám hộ cho bà S để khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế chứ không vì mục đích chăm sóc bà S. Ông H là người thường xuyên chăm sóc, thuốc men cho bà S thể hiện tình yêu thương và đạo lý của anh em nên có thể thay đổi thủ tục giám hộ.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 xã S, trên đất có căn nhà nơi thờ cúng; chia 02 thửa đất còn lại; ghi nhận sự thỏa thuận ông H tự khai thác cây tràm trên đất; xem xét công sức bảo quản, duy trì, tôn tạo tài sản của ông H.

Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Phía nguyên đơn cho rằng tài sản của các cụ VT và TM đã được chia cho các con là không có cơ sở, thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 xã S và căn nhà trên đất đã chia cho ông H là không thỏa đáng. Các tài sản của các cụ VT và TM chưa được chia, đó là di sản thừa kế, việc bà Y yêu cầu chia là có căn cứ.

Về công sức đóng góp, ông H là người ở cùng cha mẹ, ông H đã được hưởng lợi rất nhiều từ tài sản của cha mẹ, ông H không có công sức đóng góp gì vào di sản thừa kế.

Về việc chăm sóc bà S, không thể đưa tranh chấp việc giám hộ cho bà S vào vụ án này. Nếu ông H muốn giám hộ cho bà S thì ông H có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Các đương sự thống nhất về thời điểm mở thừa kế, diện thừa kế, những người đã tạo lập tài sản trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định về di sản thừa kế, những người được hưởng thừa kế, tỷ lệ và giá trị phần di sản thừa kế mỗi người được hưởng như trong bản án sơ thẩm là có căn cứ. Ông H cho rằng trong khối di sản nêu trên có 246,2 m² đất tại xã S thuộc thửa đất 353 tờ bản đồ số 39, trên đất hiện có căn nhà cấp 4 và 01 ki ốt, khi còn sống cha mẹ ông đã giao cho ông được hưởng nhưng không được các đồng thừa kế khác thừa nhận, ông H lại không có chứng cứ để chứng minh. Về công sức đóng góp, ông H là người trực tiếp ở và sử dụng tài sản, trồng tràm trên thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40, ông H đã được hưởng lợi nhiều từ tài sản của cha mẹ để lại, ông H không có công sức đóng góp nhiều hơn vào di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế bằng hiện vật, buộc những người nhận tài sản phải thanh toán

lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác theo như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ pháp luật.

Tại phiên tòa, ông H cho rằng hiện nay ông là người đang chăm sóc bà S đề nghị xem xét tư cách người giám hộ cho bà S. Đây là một quan hệ khác, ông H có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác nếu có yêu cầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn H trong hạn luật định, ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 27/02/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã có quyết định rút toàn bộ nội dung kháng nghị nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Cụ Phạm VT (chết năm 2015) và cụ Nguyễn TM (chết năm 2017), hai cụ sinh được 08 người con gồm: Bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Kim V, bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị S (bà S mất năng lực hành vi dân sự nên bà Phạm Thị V là người đại diện hợp pháp của bà S), bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị NY; ngoài ra, cụ VT còn có 01 người con riêng là ông Phạm Văn D (con của người vợ trước), hiện nay những người này đều còn sống. Cha mẹ ruột Cụ VT, cụ TM đều đã chết trước 2 cụ, cụ VT, cụ TM không có cha mẹ nuôi, con nuôi.

Các đương sự đều khai hoàn toàn thống nhất thời điểm mở thừa kế, diện thừa kế, những người đã tạo lập tài sản trên đất (cây trồng, công trình xây dựng).

Bà Y khởi kiện yêu cầu chia các di sản thừa kế nêu trên theo pháp luật. Ông H thì cho rằng, trong khối di sản nêu trên có 246,2 m² đất tại xã S thuộc thửa đất 353, tờ bản đồ số 39, trên đất hiện có căn nhà cấp 4 và 01 ki ốt, khi còn sống cha mẹ ông bán 3m (ngang 03m, dài hết đất) đất bên cạnh, có chia cho 07 người con gái mỗi người 01 lượng vàng, đồng thời giao cho ông đứng ra để xây nhà. Sau khi cha mẹ chết đi, ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên, ông là con trai duy nhất trong gia đình nên có nghĩa vụ thờ cúng cha mẹ, đồng thời khi cha mẹ còn sống ông là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do vậy tài sản trên đã thuộc sở hữu của ông nên ông không đồng ý chia. Ông H chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế đối với thửa đất số

342, tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 290, tờ bản đồ số 40 tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc cha mẹ giao tài sản là thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền với đất cho ông được hưởng, đồng thời nguyên đơn và các đồng thừa kế khác cũng xác định tài sản trên cha mẹ chưa chia cho ai. Theo Văn bản số 1208/VPĐK-CNTB ngày 13/8/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh huyện T (BL 159) thì toàn bộ khối di sản trên vẫn đứng tên cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM. Như vậy, tài sản trên là di sản của cụ VT và cụ TM để lại và việc chia di sản được áp dụng theo quy định về thừa kế theo pháp luật.

Khối di sản của cụ VT và cụ TM để lại, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng, các thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 diện tích 246,2 m² cấp ngày 29/10/2015, thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 diện tích đất 440,7 m² cấp ngày 29/10/2015 và thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 diện tích 1158,3 m² cấp ngày 12/4/2016 tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai đều đang đứng tên cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM. Hiện các thửa đất trên nằm trong quy hoạch đường vành đai thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 4695/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020. Các thửa đất trên chưa đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2019 để thực hiện dự án đường vành đai thành phố Biên Hòa. Vì vậy, đây là di sản thừa kế theo pháp luật.

[3.2] Ông H cho rằng ông có công sức bảo quản di sản và chăm sóc cha mẹ nên yêu cầu được chia phần di sản có giá trị lớn hơn những người thừa kế còn lại, xét thấy: Con cái có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ. Ông H thừa nhận, đối với quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 353, tờ bản đồ số 39 do cụ VT và cụ TM tạo dựng, sau khi cụ VT và cụ TM chết đi ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng và thu tiền từ việc cho thuê ki ốt mỗi tháng 3.000.000 đồng, đối với thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 ông đang trồng tràm trên đất, hiện trạng đất các tài sản trên không thay đổi gì. Như vậy, ông H là người trực tiếp ở và sử dụng tài sản, trồng tràm trên đất, ông H đã được hưởng lợi nhiều từ tài sản của cha mẹ để lại, ông H không hề có công sức gì vào tài sản thừa kế. Do đó, việc ông H yêu cầu được chia phần di sản có giá trị lớn hơn những người thừa kế còn lại là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Xác định những người được hưởng thừa kế di sản, tỷ lệ và giá trị phần di sản mỗi người được hưởng thừa kế:

Cụ VT có 08 người con chung với cụ TM gồm: Bà V, bà KV, bà N, ông H, bà A, bà S, bà Hh và bà Y, ngoài ra cụ VT còn có 01 người con riêng là ông D (con của người vợ trước), hiện nay những người này đều còn sống. Riêng cụ TM chết năm 2017 (BL 04) là chết sau khi cụ VT chết vào năm 2015 nên theo quy định tại Điều 613 – BLDS mặc dù cụ TM đã chết nhưng vào thời điểm mở thừa kế phần di sản của cụ VT thì cụ TM vẫn còn sống nên cụ TM được hưởng thừa kế phần di sản của cụ VT theo quy định của pháp luật.

- Đối với di sản của cụ VT: Cụ VT chết ngày 27/8/2015 (BL 05), không để lại di chúc, nên di sản của cụ VT được chia làm 10 phần cho các đồng thừa kế

gồm: Cụ TM, ông D, bà V, bà KV, bà N, ông H, bà A, bà S, bà Hh và bà Y (là vợ và các con của cụ VT) được hưởng phần di sản của cụ VT để lại là $\frac{1}{2}$ tổng giá trị di sản. Như vậy, mỗi người được hưởng: $\frac{1}{2} : 10 = \frac{1}{20}$ giá trị di sản.

- Đối với di sản của cụ TM để lại: Cụ TM chết ngày 12/6/2017, không để lại di chúc, nên di sản của cụ TM được chia làm 08 phần cho các đồng thừa kế gồm: Bà V, bà KV, bà N, ông H, bà A, bà S, bà Hh và bà Y (là các con của cụ TM) được hưởng thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ TM để lại là: $\frac{1}{2} + \frac{1}{20} = \frac{11}{20}$ giá trị di sản, mỗi người được hưởng: $\frac{11}{20} : 8 = \frac{11}{160}$ giá trị di sản.

Theo kết quả định giá, thẩm định giá, tổng giá trị di sản là 5.051.278.500 đồng. Như vậy, tỷ lệ và giá trị phần di sản mà những người thừa kế được hưởng theo pháp luật như sau: Ông D được hưởng: $\frac{1}{20}$ tổng giá trị di sản thừa kế của cụ VT, tương ứng với số tiền là: 252.563.925 đồng (làm tròn thành 252.563.000 đồng); bà V, bà KV, bà N, ông H, bà A, bà S, bà Hh và bà Y mỗi người được hưởng: $\frac{1}{20} + \frac{11}{160} = \frac{19}{160}$ giá trị di sản, tương ứng với số tiền là 599.839.262 đồng (làm tròn thành 599.839.000 đồng) .

[3.4] Về phương thức chia di sản:

Bà Y, bà V, bà KV, bà N, bà A, bà Hh và bà S đồng ý chia di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất và các công trình gắn liền với đất của thửa đất số 353, tờ bản đồ số 39, tại xã S cho ông H, ông H có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chênh lệch giá trị di sản cho ông D, bà S và bà N. Chia cho Yên và bà KV hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40, bà Y và bà KV có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền chênh lệch giá trị di sản cho bà N, bà V, bà A và bà Hh. Chia cho bà V, bà A và bà Hh hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật đối với quyền sử dụng đất thửa số 342 tờ bản đồ số 39 đất. Bà V, bà Hh, bà A, bà Y và bà KV đều yêu cầu phần di sản mà họ được chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 và thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 sẽ nhập chung thành một khối chứ không chia cụ thể cho từng người; đồng thời yêu cầu đối với khoản tiền chênh lệch giá trị di sản được chia bằng hiện vật mà họ phải thanh toán hoặc được hưởng cũng nhập chung thành một khoản chứ không chia cụ thể cho từng người, đây là sự tự nguyện của các đương sự. Bà V, bà A, bà Hh, bà Y và bà KV sẽ tự xác định giá trị phần di sản của mình được hưởng trong khối di sản được chia chung theo tỷ lệ như đã nêu trên.

[3.5] Trên cơ sở xem xét nhu cầu sử dụng đất của các đương sự, giá trị của từng thửa đất, tỷ lệ và giá trị phần di sản mỗi người được hưởng thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông Phạm Văn H quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 xã S và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất; chia cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị A quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 xã S; chia cho bà Phạm Thị Y và bà Phạm Thị Kim V quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 xã S; buộc ông Phạm Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị S số tiền 599.839.000 đồng (giao cho bà Phạm Thị V là người đại diện hợp pháp cho bà S có trách nhiệm nhận và quản lý tài sản của bà S), thanh toán cho bà Phạm Thị N

số tiền 547.437.000 đồng, thanh toán cho ông Phạm Văn D số tiền 252.563.000 đồng; buộc bà Phạm Thị NY và bà Phạm Thị Kim V có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Phạm Thị N số tiền 54.402.000 đồng, thanh toán cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị A tổng số tiền 22.050.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.6] Về số cây trồng trên đất: Đối với 154 cây tràm do ông H trồng, (có đường kính gốc khoảng 15 cm) trên thửa đất số 290, tờ bản đồ số 40, tại xã S có giá trị 4.054.050 đồng. Bà Y và bà KV đồng ý thanh toán toàn bộ giá trị cây tràm cho ông H nhưng ông không đồng ý nhận giá trị cây tràm mà ông đề nghị được trực tiếp khai thác những cây tràm này. Nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông H có nghĩa vụ chặt bỏ, khai thác toàn bộ cây tràm đã trồng trên đất ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Đối với một số cây ăn trái thời điểm cụ VT còn sống trồng và một số cây khác do bà V, bà Hh đã trồng trên thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39, ông H, bà Y, bà N, bà KV và bà A không yêu cầu bà V, bà Hh và bà A phải thanh toán giá trị những cây này vì cho rằng giá trị tài sản này không đáng kể, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng.

[3.7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Phạm Thị NY phải chịu 27.993.560 đồng; bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị Ngọc Hh mỗi người phải chịu 27.993.560 đồng án phí dân sự sơ thẩm; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Kim V và bà Phạm Thị S là đúng quy định pháp luật.

[3.8] Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị NY số tiền chi phí do vẽ, thẩm định giá 3.588.189 đồng là đúng.

[3.9] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Riêng việc giám hộ đối với bà S là một quan hệ pháp luật khác, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ việc khác nếu có yêu cầu.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 612, Điều 613, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, Điều 658, Điều 660 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị NY đối với ông Phạm Văn H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với những di sản của cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM để lại.

- Xác định di sản của cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM để lại gồm:

+ Quyền sử dụng thửa đất thửa đất số 353 tờ bản đồ số 39 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu các tài sản gắn liền với đất.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Quyền sử dụng thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Xác định cụ Phạm VT chết ngày 27/8/2015 và cụ Nguyễn TM chết ngày 12/6/2017 đều không để lại di chúc. Di sản của cụ VT và cụ TM để lại được chia theo pháp luật.

- Tỷ lệ, giá trị phần di sản mà những người thừa kế được hưởng như sau:

+ Bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Kim V, bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị Ngọc Hh, bà Phạm Thị S và bà Phạm Thị NY mỗi người được hưởng: 19/160 tổng giá trị di sản của cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM để lại, tương ứng với số tiền là 599.839.000đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng).

+ Ông Phạm Văn D được hưởng: 1/20 tổng giá trị di sản của cụ VT để lại, tương ứng với số tiền là: 252.563.000đồng (Hai trăm lăm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- Di sản trên được chia bằng hiện vật như sau:

+ Ông Phạm Văn H được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 352 tờ bản đồ số 35 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất.

+ Bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị A được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 342 tờ bản đồ số 39 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Phạm Thị Y và bà Phạm Thị Kim V được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị di sản được chia bằng hiện vật như sau:

+ Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị S số tiền 599.839.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng), giao cho bà Phạm Thị V là người đại diện hợp pháp cho bà S có trách nhiệm nhận và quản lý tài sản của bà S; thanh toán cho bà Phạm Thị N số tiền

547.437.000 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn đồng); thanh toán cho ông Phạm Văn D số tiền 252.563.000 đồng (Hai trăm năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) .

+ Bà Phạm Thị NY và bà Phạm Thị Kim V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị N số tiền 54.402.000 đồng (Năm mươi tư triệu bốn trăm linh hai nghìn đồng); thanh toán cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị A tổng số tiền 22.050.000 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Ông Phạm Văn H có quyền và nghĩa vụ khai thác, chặt bỏ toàn bộ số cây tràm đã trồng trên thửa đất số 290 tờ bản đồ số 40 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 525279 (do UBND huyện T cấp cho cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM vào ngày 29/10/2015) cho bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Ngọc Hh và bà Phạm Thị A; giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 834159 (do UBND huyện T cấp cho cụ Phạm VT và cụ Nguyễn TM vào ngày 12/4/2016) cho bà Phạm Thị NY và bà Phạm Thị Kim V để họ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin chỉnh lý biến động hoặc cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên của mình theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

+ Bà Phạm Thị NY phải chịu 27.993.560 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu lăm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 005976 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; bà Y còn phải nộp 25.493.560 đồng (Hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn ba năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị Ngọc Hh mỗi người phải chịu 27.993.560 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn D, bà Phạm Thị Kim V và bà Phạm Thị S.

+ Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0007147 ngày 20/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được trừ vào tiền án phí ông H phải nộp.

5. Về chi phí tố tụng: Ông H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị NY số tiền chi phí đo vẽ, thẩm định giá là 3.588.189 đồng (Ba triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm tám mươi chín đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Nhu